

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1250 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 13 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành quy chế quản lý tài chính
của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 132/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1927/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1249 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số 06/TTr-HĐQL ngày 22 tháng 5 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này và định kỳ tổng hợp kết quả báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành

phổ và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: Nh

- Như Điều 4;
- Bộ TN& MT;
- TT:TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, PKT;
- Lưu: VT. VP UBND tỉnh.



CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Chiến



QUY CHẾ
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1250/QĐ-UBND, ngày 13 tháng 6 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Quy chế này điều chỉnh đối với công tác quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh.
- Quy chế này áp dụng cho Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh (gọi tắt là *Quỹ*) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý tài chính

- Quỹ là tổ chức tài chính nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận nhưng phải bảo toàn vốn điều lệ và tự bù đắp chi phí quản lý, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về ngân sách nhà nước.
- Quỹ hoạt động công khai, minh bạch và bình đẳng theo quy định của pháp luật.
- Quỹ chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán về các hoạt động tài chính của Quỹ bởi cơ quan quản lý nhà nước về tài chính và Kiểm toán Nhà nước.

Điều 3. Chế độ trách nhiệm

Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý nhà nước về việc quản lý an toàn vốn và tài sản của Quỹ, đảm bảo việc sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả, và chấp hành các chế độ quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán.

Chương II
QUY ĐỊNH NGUỒN VỐN VÀ TÀI SẢN

Mục 1
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN

Điều 4. Nguồn vốn hoạt động

- Vốn chủ sở hữu bao gồm:

a) Vốn điều lệ tối thiểu của Quỹ là 41.943.722.563 đồng (*Bốn mươi một tỷ, chín trăm bốn mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi hai ngàn, năm trăm sáu mươi ba đồng*).

- Vốn điều lệ của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau: Vốn Điều lệ đã được ngân sách nhà nước cấp; ngân sách tỉnh cấp bổ sung hàng năm; bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển.

- Việc thay đổi vốn điều lệ của quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

b) Quỹ đầu tư phát triển.

c) Vốn khác thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Vốn khác gồm: Các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện, ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; vốn hoạt động của Quỹ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp; các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

3. Vốn hoạt động bổ sung hàng năm từ các nguồn:

a) Ngân sách nhà nước chi sự nghiệp môi trường cấp bù kinh phí tài trợ cho các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường đã thực hiện hàng năm và bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ.

b) Phần trích lại từ các khoản thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt), khí thải, chất thải rắn, khai thác khoáng sản và các loại phí bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

c) Các khoản tiền bồi thường thiệt hại về môi trường và đa dạng sinh học nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

d) Lệ phí bán, chuyển các chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) thu được từ các dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch CDM thực hiện tại tỉnh Tây Ninh (nếu có).

đ) Các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện, ủy thác đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các Quỹ tài chính và nguồn vốn khác dành cho lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

e) Tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường.

g) Quỹ đầu tư phát triển.

h) Các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Sử dụng vốn

Quỹ bảo vệ môi trường Tây Ninh được sử dụng vốn để:

1. Cho vay vốn với lãi suất ưu đãi.

2. Hỗ trợ lãi suất vay vốn.

3. Tài trợ, đồng tài trợ cho các hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật và không trùng lặp với nguồn ngân sách nhà nước.

4. Thực hiện một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án CDM, bao gồm:

a) Tổ chức, theo dõi, quản lý, thu lệ phí bán chứng chỉ giảm phát thải CERs được Ban Chấp hành quốc tế về CDM cấp cho các dự án CDM thực hiện tại Việt Nam.

b) Hỗ trợ cho các hoạt động phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức về dự án CDM; xem xét, phê duyệt tài liệu dự án CDM; quản lý và giám sát dự án CDM.

c) Trợ giá đối với sản phẩm của dự án CDM.

5. Hỗ trợ tài chính đối với các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các chương trình, đề án, dự án và nhiệm vụ khác giao theo quy định của pháp luật.

8. Mua sắm tài sản cố định phục vụ cho hoạt động của Quỹ.

9. Sử dụng vốn nhàn rỗi để gửi tại các ngân hàng thương mại có chất lượng hoạt động tốt theo phân loại của Ngân hàng nhà nước Việt Nam nhằm mục đích bảo toàn và phát triển vốn cho Quỹ nhưng phải đảm bảo an toàn.

Điều 6. Bảo đảm an toàn vốn

1. Quỹ có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn vốn hoạt động, gồm:

a) Quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả.

b) Mua bảo hiểm tài sản và các bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

c) Trích lập quỹ dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay theo quy định về hướng dẫn hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

d) Thực hiện các biện pháp khác về đảm bảo an toàn vốn theo quy định của pháp luật.

2. Nghiêm cấm Quỹ:

a) Huy động vốn dưới hình thức nhận tiền gửi, phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu, vay thương mại của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

b) Sử dụng nguồn vốn hoạt động để thực hiện các mục đích kinh doanh tiền tệ, đầu tư chứng khoán, kinh doanh bất động sản và các hoạt động kinh doanh không được phép khác.

Mục 2

QUẢN LÝ VỀ TÀI SẢN

Điều 7. Mua sắm tài sản cố định

1. Việc mua sắm tài sản cố định phục vụ cho hoạt động của Quỹ thực hiện theo nguyên tắc giá trị còn lại của tổng tài sản cố định không vượt quá 5% vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm mua sắm.

2. Quỹ phải xây dựng kế hoạch mua sắm tài sản cố định trình Hội đồng quản lý xem xét, phê duyệt. Việc mua sắm tài sản cố định phục vụ hoạt động của Quỹ do Giám đốc Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo kế hoạch hàng năm đã xây dựng.

3. Trình tự, thủ tục mua sắm tài sản cố định của Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư, mua sắm tài sản cố định và quy định hiện hành đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Quỹ có trách nhiệm mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.

4. Quỹ thực hiện việc khấu hao tài sản cố định theo quy định hiện hành đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 8. Kiểm kê, đánh giá lại, thanh lý, nhượng bán tài sản

1. Kiểm kê tài sản

Quỹ thực hiện kiểm kê tài sản theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Đối với tài sản thừa, thiếu cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

2. Đánh giá lại tài sản

Quỹ phải đánh giá lại tài sản cố định và xử lý hạch toán đối với các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Thanh lý, nhượng bán tài sản

Quỹ được quyền thanh lý, nhượng bán tài sản kém, mất phẩm chất, tài sản đã hư hỏng không có khả năng phục hồi; tài sản lạc hậu kỹ thuật không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả để thu hồi vốn theo nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn và tuân thủ quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Mục 3

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TIỀN KÝ QUỸ TẠI QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 9. Nguyên tắc quản lý và sử dụng tiền ký quỹ

1. Tiền ký quỹ phải được quản lý và sử dụng trên nguyên tắc bảo toàn vốn gốc, trả tiền ký quỹ phải đúng quy định và tự cân đối bù đắp chi phí quản lý cho hoạt động nhận ký quỹ của bên nhận lý quỹ.

2. Việc quản lý và sử dụng tiền ký quỹ phải được thực hiện công khai, minh bạch và đúng theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quản lý tiền ký quỹ

1. Bên nhận ký quỹ phải mở tài khoản riêng theo dõi tiền ký quỹ.

2. Tiền ký quỹ bên nhận ký quỹ gửi tại các ngân hàng thương mại có chất lượng hoạt động tốt theo xếp loại tín nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

a) Tổ chức, theo dõi, quản lý, thu lệ phí bán chứng chỉ giảm phát thải CERs được Ban Chấp hành quốc tế về CDM cấp cho các dự án CDM thực hiện tại Việt Nam.

b) Hỗ trợ cho các hoạt động phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức về dự án CDM; xem xét, phê duyệt tài liệu dự án CDM; quản lý và giám sát dự án CDM.

c) Trợ giá đối với sản phẩm của dự án CDM.

5. Hỗ trợ tài chính đối với các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các chương trình, đề án, dự án và nhiệm vụ khác giao theo quy định của pháp luật.

8. Mua sắm tài sản cố định phục vụ cho hoạt động của Quỹ.

9. Sử dụng vốn nhàn rỗi để gửi tại các ngân hàng thương mại có chất lượng hoạt động tốt theo phân loại của Ngân hàng nhà nước Việt Nam nhằm mục đích bảo toàn và phát triển vốn cho Quỹ nhưng phải đảm bảo an toàn.

Điều 6. Bảo đảm an toàn vốn

1. Quỹ có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn vốn hoạt động, gồm:

a) Quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả.

b) Mua bảo hiểm tài sản và các bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

c) Trích lập quỹ dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay theo quy định về hướng dẫn hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

d) Thực hiện các biện pháp khác về đảm bảo an toàn vốn theo quy định của pháp luật.

2. Nghiêm cấm Quỹ:

a) Huy động vốn dưới hình thức nhận tiền gửi, phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu, vay thương mại của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

b) Sử dụng nguồn vốn hoạt động để thực hiện các mục đích kinh doanh tiền tệ, đầu tư chứng khoán, kinh doanh bất động sản và các hoạt động kinh doanh không được phép khác.

Mục 2

QUẢN LÝ VỀ TÀI SẢN

Điều 7. Mua sắm tài sản cố định

1. Việc mua sắm tài sản cố định phục vụ cho hoạt động của Quỹ thực hiện theo nguyên tắc giá trị còn lại của tổng tài sản cố định không vượt quá 5% vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm mua sắm.

2. Quỹ phải xây dựng kế hoạch mua sắm tài sản cố định trình Hội đồng quản lý xem xét, phê duyệt. Việc mua sắm tài sản cố định phục vụ hoạt động của Quỹ do Giám đốc Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo kế hoạch hàng năm đã xây dựng.

3. Trình tự, thủ tục mua sắm tài sản cố định của Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư, mua sắm tài sản cố định và quy định hiện hành đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Quỹ có trách nhiệm mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.

4. Quỹ thực hiện việc khấu hao tài sản cố định theo quy định hiện hành đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 8. Kiểm kê, đánh giá lại, thanh lý, nhượng bán tài sản

1. Kiểm kê tài sản

Quỹ thực hiện kiểm kê tài sản theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Đối với tài sản thừa, thiếu cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

2. Đánh giá lại tài sản

Quỹ phải đánh giá lại tài sản cố định và xử lý hạch toán đối với các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Thanh lý, nhượng bán tài sản

Quỹ được quyền thanh lý, nhượng bán tài sản kém, mất phẩm chất, tài sản đã hư hỏng không có khả năng phục hồi; tài sản lạc hậu kỹ thuật không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả để thu hồi vốn theo nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn và tuân thủ quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Mục 3

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TIỀN KÝ QUỸ TẠI QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 9. Nguyên tắc quản lý và sử dụng tiền ký quỹ

1. Tiền ký quỹ phải được quản lý và sử dụng trên nguyên tắc bảo toàn vốn gốc, trả tiền ký quỹ phải đúng quy định và tự cân đối bù đắp chi phí quản lý cho hoạt động nhận ký quỹ của bên nhận lý quỹ.

2. Việc quản lý và sử dụng tiền ký quỹ phải được thực hiện công khai, minh bạch và đúng theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quản lý tiền ký quỹ

1. Bên nhận ký quỹ phải mở tài khoản riêng theo dõi tiền ký quỹ.

2. Tiền ký quỹ bên nhận ký quỹ gửi tại các ngân hàng thương mại có chất lượng hoạt động tốt theo xếp loại tín nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

theo nguyên tắc phải đảm bảo bảo toàn vốn gốc, bù đắp chi phí trả lãi cho bên ký quỹ và chi phí quản lý đối với hoạt động nhận ký quỹ.

3. Lãi suất và kỳ hạn gửi tiền tại ngân hàng thương mại do bên nhận ký quỹ thỏa thuận với ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.

4. Lãi suất ký quỹ

4.1. Đối với tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản:

a) Mức lãi suất ký quỹ được điều chỉnh theo lãi suất cho vay của bên nhận ký quỹ và áp dụng cho toàn bộ số dư tiền ký quỹ.

b) Trường hợp bên nhận ký quỹ không thực hiện hoạt động cho vay thì lãi suất ký quỹ được xác định theo lãi suất cho vay của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam tại thời điểm nhận ký quỹ.

4.2. Đối với tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất: Tiền ký quỹ được hưởng lãi suất đã thỏa thuận theo quy định của pháp luật.

4.3. Đối với tiền ký quỹ bảo vệ môi trường cho hoạt động chôn lấp chất thải: Tiền ký quỹ được hưởng lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày ký quỹ.

Điều 11. Sử dụng tiền ký quỹ

1. Bên nhận ký quỹ không được sử dụng tiền ký quỹ để cho vay và thực hiện các mục đích khác ngoài quy định tại Quy chế này.

2. Sử dụng tiền lãi từ gửi tiền ký quỹ:

a) Toàn bộ tiền lãi gửi ngân hàng từ gửi tiền ký quỹ được hạch toán vào doanh thu hoạt động nghiệp vụ của bên nhận ký quỹ;

b) Toàn bộ tiền lãi ký quỹ phải trả cho bên ký quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động nghiệp vụ của bên nhận ký quỹ.

3. Hoàn trả tiền ký quỹ:

Việc hoàn trả tiền ký quỹ được thực hiện theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Chương III

QUẢN LÝ THU, CHI TÀI CHÍNH

Điều 12. Nguồn thu của Quỹ

Nguồn thu của Quỹ là toàn bộ các khoản thực thu trong năm, phát sinh từ hoạt động nghiệp vụ và thu từ các hoạt động khác, bao gồm:

1. Thu từ các hoạt động nghiệp vụ:

- a) Thu tiền lãi từ hoạt động cho vay của Quỹ.
- b) Thu phí dịch vụ nhận ủy thác cho vay, tài trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác.
- c) Thu hoạt động nghiệp vụ và dịch vụ khác.

2. Thu từ hoạt động tài chính:

- a) Thu lãi tiền gửi của Quỹ Bảo vệ môi trường gửi tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng thương mại.
- b) Các khoản thu khác từ hoạt động tài chính.

3. Các khoản thu khác:

- a) Thu từ hoạt động cho thuê tài sản, nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.
- b) Thu bảo hiểm đền bù tổn thất tài sản.
- c) Thu nợ đã xóa nay thu hồi được
- d) Các khoản thu nhập hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Chi hoạt động của Quỹ

Chi phí của Quỹ là các khoản thực chi cần thiết cho hoạt động của Quỹ, có hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Mức chi, đối tượng chi được thực hiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp pháp luật chưa có quy định, Quỹ căn cứ vào khả năng tài chính xây dựng định mức, quyết định việc chi tiêu. Các khoản chi phí phải nằm trong kế hoạch tài chính năm đã được Hội đồng quản lý phê duyệt, bao gồm:

1. Chi hoạt động nghiệp vụ:

- a) Chi phí liên quan đến hoạt động ủy thác, nhận ủy thác.
- b) Chi trích lập quỹ dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay theo quy định.
- c) Chi trả tiền lãi ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản, chôn lấp chất thải, nhập khẩu phế liệu theo quy định.
- d) Chi cho các hoạt động về thẩm định, cho vay, thu hồi nợ, tài trợ, đồng tài trợ, thanh tra, kiểm tra đối với các dự án đầu tư, chương trình có sử dụng vốn của Quỹ.

đ) Chi khác cho hoạt động nghiệp vụ.

2. Chi hoạt động tài chính: Bao gồm các khoản chi liên quan đến hoạt động gửi tiền tại các ngân hàng thương mại và các chi phí khác.

3. Chi cho cán bộ, nhân viên:

- a) Chi phụ cấp cho Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, bộ phận nghiệp vụ theo quy định của pháp luật.
- b) Chi cho công tác y tế; các chi phí cho lao động nữ theo quy định hiện hành; chi bảo hộ lao động, chi trang phục giao dịch.
- c) Các khoản chi khác cho cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật.

4. Chi phí quản lý:

a) Chi phí khấu hao tài sản cố định theo quy định của pháp luật; thuê tài sản cố định; chi mua bảo hiểm tài sản; chi sửa chữa, bảo dưỡng tài sản; chi thuê, mua công cụ, dụng cụ lao động, tài sản, thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ hoạt động của Quỹ; chi bù đắp tổn thất tài sản theo quy định.

b) Chi phí dịch vụ mua ngoài: Tiền điện, nước, điện thoại, bưu chính viễn thông; kiểm toán, dịch vụ pháp lý; chi trả tiền sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế, các dịch vụ kỹ thuật; chi phí vận chuyển; phòng cháy chữa cháy.

c) Chi công tác phí, chi phụ cấp tàu xe cho cán bộ và nhân viên của Quỹ đi công tác trong và ngoài nước theo chế độ của Nhà nước quy định đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

d) Chi phí giao dịch, đối ngoại, chi phí hội nghị, lễ lân, khánh tiết theo quy định của pháp luật.

đ) Các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật.

5. Các khoản chi phí khác:

a) Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa.

b) Chi phí để thu các khoản phạt theo quy định.

c) Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản (nếu có) bao gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định được thanh lý nhượng bán.

d) Các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật.

6. Định mức chi phí quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ. Trường hợp pháp luật chưa có quy định, Quỹ căn cứ vào khả năng tài chính xây dựng định mức, quyết định việc chi tiêu đảm bảo phù hợp, hiệu quả và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đối với các khoản chi không đúng chế độ, các khoản chi vượt định mức, Quỹ phải xuất toán ra khỏi sổ sách kế toán của Quỹ, đồng thời phải làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan để trình các cấp có thẩm quyền quyết định phương án bồi hoàn.

Điều 14. Chênh lệch thu, chi

1. Chênh lệch thu chi của Quỹ là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh trong năm tài chính theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Quy chế này.

2. Chênh lệch thu chi trong năm là dương (+) khi doanh thu lớn hơn chi phí và ngược lại, chênh lệch thu chi trong năm là âm (-) khi doanh thu nhỏ hơn chi phí.

Điều 15. Phân phối chênh lệch thu, chi và sử dụng các quỹ

1. Chênh lệch thu, chi tài chính hàng năm của Quỹ được tính bằng tổng số thu thực tế trong năm trừ đi tổng số chi phí hợp lý, hợp lệ. Trường hợp tổng thu lớn hơn tổng số chi phí, phần chênh lệch này được phân phối theo trình tự như sau:

a) Bù đắp lỗ lũy kế của các năm trước nếu có; Bù đắp các khoản tiền phạt do vi phạm pháp luật thuộc trách nhiệm của Quỹ sau khi trừ đi phần bồi thường của các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

b) Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển.

c) Trích tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện vào quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi.

d) Số còn lại sau khi trích lập các quỹ trên sẽ được trích tiếp vào quỹ đầu tư phát triển.

2. Mục đích sử dụng các quỹ:

a) Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ.

b) Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi

Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

Chương IV

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mục 1

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

Điều 16. Kế hoạch tài chính

1. Căn cứ vào chiến lược, định hướng và kế hoạch hoạt động hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Quỹ xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm trình Hội đồng quản lý phê duyệt.

2. Kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ bao gồm các nội dung cơ bản quy định tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 và Phụ lục 3 tại Quy chế này.

3. Quy trình phê duyệt và ban hành kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ:

Quỹ xây dựng kế hoạch tài chính năm kế tiếp, trình Hội đồng quản lý phê duyệt và gửi Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Mục 2

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Điều 17. Chế độ kế toán

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 18. Báo cáo tài chính và các báo cáo khác

1. Cuối kỳ kế toán (quý, năm) Quỹ phải lập, thuyết minh và gửi các báo cáo tài chính cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các loại báo cáo định kỳ quý, năm bao gồm:

a) Báo cáo tài chính, gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, bản thuyết minh báo cáo tài chính; Báo cáo thu chi tài chính, tình hình phân phối chênh lệch thu chi và sử dụng các quỹ, Báo cáo hoạt động tài trợ, hỗ trợ theo các Phụ lục 4, Phụ lục 5 và Phụ lục 6 tại Quy chế này.

b) Báo cáo khác: Báo cáo tình hình cho vay theo Phụ lục 7 tại Quy chế này.

3. Kiểm toán báo cáo tài chính

a) Báo cáo tài chính năm của Quỹ phải được kiểm toán bởi cơ quan kiểm toán nhà nước.

b) Trường hợp cơ quan kiểm toán nhà nước không có kế hoạch kiểm toán Quỹ, thì báo cáo tài chính năm của Quỹ phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật.

4. Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo trên.

5. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Báo cáo quý được gửi chậm nhất vào ngày 25 của tháng đầu quý sau.

b) Báo cáo năm được gửi chậm nhất vào ngày 30/3 của năm sau.

6. Quỹ có trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Phê duyệt, kiểm tra, công khai báo cáo tài chính

1. Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ phải được phê duyệt bởi Ủy ban nhân dân tỉnh. Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ được gửi cho Sở Tài chính để theo dõi.

2. Ban Kiểm soát của Quỹ tổ chức kiểm tra, kiểm soát theo kế hoạch việc chấp hành chế độ tài chính kế toán tại Quỹ và báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm soát cho Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Trong trường hợp cần thiết, Quỹ chịu sự kiểm tra tài chính của Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

a) Kiểm tra báo cáo tài chính định kỳ hoặc đột xuất;

b) Kiểm tra chuyên đề theo yêu cầu của công tác quản lý tài chính.

4. Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Quỹ phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm thực hiện

1. Quỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý, sử dụng và bảo toàn vốn, tài sản của Nhà nước do Quỹ quản lý.
2. Quỹ có trách nhiệm thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường, đơn đốc bên ký quỹ thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường, quản lý và sử dụng tiền ký quỹ đúng theo quy định của pháp luật và cung cấp thông tin, báo cáo đột xuất về tình hình quản lý và sử dụng tiền ký quỹ theo yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền.
3. Tuân thủ chế độ quản lý tài chính theo quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.
4. Hàng năm, Quỹ báo cáo nhu cầu sử dụng vốn từ nguồn chi sự nghiệp môi trường để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.
5. Xây dựng báo cáo quyết toán năm.
6. Chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành.
7. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có những điều khoản nào trong Quy chế này trái với quy định pháp luật, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường và/hoặc có những nội dung liên quan chưa được đề cập trong Quy chế này; có những thay đổi, điều chỉnh theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường thì thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường./.